

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN DBIT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 12/04/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1	846	VSP02+TD3	7:25	4+15+1	0+0+0		0+20+2	0+0+0	
2	846	TD5+P7	9:25	15+7	0+0		13+9	0+0	
3	420	P1+TD5+BK5	9:25	12+5+5	0+0+0		12+4+6	0+0+0	

TTDBSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/04/2018	TO: VSP02 - TD3	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: XANH-1	FROM: VT	CREW: Khang - VThắng - HIẾU	ETA: 09:10

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI ANH SON	VSP02					60	D-HANH	Vietnamese
2	NGUYEN NGOC ANH TUAN	VSP02	85	1	5		70	D-HANH	Vietnamese
3	TRAN QUANG VINH	VSP02	86	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAM VAN HOAN	VSP02	84	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
5	AFANASHEV I.IU	TD3	58	1	10		80	KHOAN	Russian
6	KODZOIEV M.M	TD3	60	1	10		95	KHOAN	Russian
7	ALEKHIN A.G	TD3	71	1	10		100	KHOAN	Russian
8	LE ANH XUAN	TD3					65	KHOAN	Vietnamese
9	PHAN HAI NAM	TD3	63	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
10	VU TIEN DUNG	TD3	67-68	2	10		62	KHOAN	Vietnamese
11	BUI HUU VUNG	TD3	64	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
12	DOAN QUANG BAC	TD3	59	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
13	NGO VAN KIEM	TD3	66	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
14	DO THANH HAI	TD3	69	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
15	CHU VAN THANG	TD3	62	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
16	LAI THE DAT	TD3	70	1	6		90	KHOAN	Vietnamese
17	VU TRONG HACH	TD3	65	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
18	DO VAN PHAN	TD3	73	1	7	130	75	KHOAN	Vietnamese
19	DAU CAO KHANG	TD3	72	1	5		56	KHOAN	Vietnamese
20	LE XUAN HIEP	TD3	75-76	2	10		70	DHANH	Vietnamese
21	PHAM NGOC HUNG	TD3	74	1	7		75	DHANH	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	4	3	15	264	0	0		
2	TD3	17	18	110	1.279	130	20		
TOTAL		21	21	125	1.543	130	20		
WEIGHT KG				125	1.543	130			

GRAND TOAL: 1.798 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12-Apr-18	TO: TD5 - P7	AIRCRAFT: 420	ETD: 08:15
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: Hạnh - MTHAO - NNam	ETA: 10:05
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ALEKSANDROV A.A	TD5	17	1	6		86	KHOAN	Russian
2	VANEEV D.V	TD5	16	1	12		105	KHOAN	Russian
3	PHAM VAN BINH	TD5	08	1	6		80	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN DUY TAM	TD5	03	1	4		63	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN TAN VINH	TD5	12-13	2	15		80	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN TAN PHUOC	TD5	09	1	3	36	65	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN XUAN THANH	TD5	02	1	6		58	KHOAN	Vietnamese
8	MAI TRUONG TRUNG	TD5	15	1	3		54	KHOAN	Vietnamese
9	TRAN VAN LEN	TD5	06	1	3		64	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN VAN HIEN	TD5	07	1	3		64	KHOAN	Vietnamese
11	LE DUY TAN	TD5	11	1	9		65	KHOAN	Vietnamese
12	ĐAO DANH THANH	TD5	04-05	2	10		64	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN XUAN ĐÔNG	TD5	10	1	7		63	KHOAN	Vietnamese
14	CAO QUANG HUNG	TD5	18	1	8		105	CODIEN	Vietnamese
15	NGUYEN THUA THAI	TD5	19	1	7		62	CODIEN	Vietnamese
16	ĐẶNG NGOC CUONG	P7	36	1	15		80	XAYLAP	Vietnamese
17	PHUNG QUANG ĐAI	P7	24	1	13		69	XAYLAP	Vietnamese
18	LE TRI HAI	P7	31-32	2	17		60	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYEN TRUNG SY	P7	30	1	15		55	XAYLAP	Vietnamese
20	LE VAN NIN	P7	33-34	2	15	35	69	XAYLAP	Vietnamese
21	ĐOAN VAN BANG	P7	25	1	15		72	XAYLAP	Vietnamese
22	TRINH VAN BAU	P7	23	1	13		70	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	15	17	102	1.078	36	13		
2	P7	7	9	103	475	35	9		
TOTAL		22	26	205	1.553	71	22		
WEIGHT KG				205	1.553	71			

GRAND TOAL: 1.829 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/04/2018	TO: P1 - TD5 - BK5	AIRCRAFT: 846	ETD: 10:10
FLIGHT: XANH-2	FROM: VT	CREW: Khang - VThắng - HIẾU	ETA: 11:50

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU VAN TINH	P1	75	1	6	20	71	CODIEN	Vietnamese
2	TÔ TIEN HUNG	P1	78	1	5		75	CODIEN	Vietnamese
3	CHU TUAN ANH	P1	76	1	10		60	CODIEN	Vietnamese
4	NGUYEN HONG QUAN	P1	77	1	9		74	CODIEN	Vietnamese
5	PHAN QUY DUNG	P1	67	1	11		62	XAYLAP	Vietnamese
6	ĐAO NGOC HAI	P1	70	1	14		67	XAYLAP	Vietnamese
7	VÔ VĂN SƠN	P1	73	1	14		54	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYEN NGOC MINH	P1	74	1	15		70	XAYLAP	Vietnamese
9	PHẠM VĂN ĐỊNH	P1	69	1	16		75	XAYLAP	Vietnamese
10	PHAN VĂN ĐƯƠNG	P1	68	1	8		62	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYEN VIET MINH	P1	71-72	2	20		64	XAYLAP	Vietnamese
12	TRẦN ANH HIỆP	P1	65-66	2	20		72	XAYLAP	Vietnamese
13	ĐỖ TIEN DUNG	TD5	80	1	4	55	50	DVL	Vietnamese
14	CHU ĐÌNH THANH	TD5	77	1	5		60	DVL	Vietnamese
15	ĐẶNG VIỆT CUONG	TD5	81	1	10		69	DVL	Vietnamese
16	PHAN VINH TRUONG	TD5	79	1	9		65	DVL	Vietnamese
17	MAI VAN TOAN	TD5	78	1	10		62	PSV	Vietnamese
18	DƯƠNG SY CHIEN	BK5	86,88	2	15		65	XAYLAP	Vietnamese
19	ĐOÀN XUÂN DƯƠNG	BK5	87	1	9		60	XAYLAP	Vietnamese
20	LUONG VAN VIET	BK5	91	1	13		63	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYEN TIEN DUNG	BK5	89-90	2	18		71	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYEN ĐÌNH ĐỨC	BK5	85	1	2		75	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	12	14	148	806	20	12		
2	TD5	5	5	38	306	55	4		
3	BK5	5	7	57	334	0	6		
TOTAL		22	26	243	1.446	75	22		
WEIGHT KG				243	1.446	75			

GRAND TOTAL: 1.764 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 13/04/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		CLO+CTK3	7:25	5+17	0+0		5+17	0+0	
2		CNV+PPD	7:25	6+16	0+0		6+16	0+0	
3		TD1+PPD+P1	9:25	8+14+0	0+0+0		2+18+2	0+0+0	
4		AMD+VSP02+RC5	9:25	2+20	0+0		1+20+1	0+0	
5		AMD+TTc1	9:25	21+0	0+0		20+1	0+0	
6		RP2+VSP02	11:25	9+13	0+0+0		0+16	0+0+0	
7		JS2+BK14	11:25	14+7	0+0		5+10	0+0	
8		CTK3+BK9+GTc1	11:25	17+5+0	0+0+0		15+5+0	0+0+0	chuyển 2 pax từ ctk3-gtc1

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
BK9 ĐỐI CA QUA JS2



FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/04/2018	TO: CLO - CTK3	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: HUNG - Hạnh - DTùng	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ANDRIUSHENKO O.A	CLO	55	1	2		125	KHOAN	Russian
2	NGUYEN HUU LONG	CLO	52	1	9		61	KHOAN	Vietnamese
3	LUONG NGOC KHUONG	CLO	53	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
4	TRAN VAN SAU	CLO	54	1	8		75	KHOAN	Vietnamese
5	DO NGOC HOAN	CLO	56	1	4	13	88	KHOAN	Vietnamese
6	HOANG XUAN HIEU	CTK3	50	1	5	15	60	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN NGOC TUONG	CTK3	45	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
8	BUI KHAC PHONG	CTK3	52	1	2		76	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN TRONG HAI	CTK3					79	KH-THAC	Vietnamese
10	HOANG TUAN	CTK3	46	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN DINH QUYET	CTK3	43	1	2		70	KH-THAC	Vietnamese
12	HA MINH GIANG	CTK3	44	1	2		84	KH-THAC	Vietnamese
13	DOAN QUANG TUAN	CTK3	47	1	2		65	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAM DUC KIEM	CTK3	54	1	4		76	KH-THAC	Vietnamese
15	LE THANH LIEM	CTK3	53	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
16	TRUONG QUOC BAO	CTK3	55	1	2		50	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAM VAN TUYEN	CTK3					66	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN VAN TUAN	CTK3	57	1	10		61	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN MINH TUAN	CTK3	49	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
20	TRAN HUU BAO	CTK3	42	1	6		85	KH-THAC	Vietnamese
21	DAO TRONG HIEP	CTK3	51	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
22	LUYEN VAN THIEU	CTK3	48	1	5		84	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	5	5	28	423	13	2		
2	CTK3	17	15	64	1.191	15	20		
	TOTAL	22	20	92	1.614	28	22		
	WEIGHT KG			92	1.614	28			

GRAND TOAL: 1.734 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 13-Apr-18	TO: CNV - PPD	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: Văn - TRƯỜNG - MQUÂN	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ QUỐC TÙNG	CNV	27	1	5		81	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐẶNG ĐỨC HẠNH	CNV	30	1	4		59	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN TIẾN DŨNG	CNV	28	1	4		78	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN HẠO	CNV	31	1	5	70	70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐỨC THANH	CNV	26	1	6		82	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐÌNH TIẾN	CNV	29	1	4		64	PSV	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN HIẾN	PPD	03	1	6		63	DK	Vietnamese
8	KIỀU TUẤN ANH	PPD	04	1	10		70	DK	Vietnamese
9	NGUYỄN MẠNH HÙNG	PPD	13	1	12		77	KH-THAC	Vietnamese
10	BUI VĂN VIỆN	PPD	16	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
11	NGÔ VIỆT ANH	PPD					75	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN CAO CƯỜNG	PPD	06	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
13	BUI VĂN ĐÀO	PPD	15	1	8		94	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN SƠN	PPD	05	1	7	20	64	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAN HOÀI BAO	PPD	11	1	4		78	KH-THAC	Vietnamese
16	BIỆN MINH SƠN	PPD	01	1	5		83	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN THANH TRÍ	PPD	12	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
18	NGÔ ĐỨC VỌNG	PPD					63	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐỖ ĐỨC QUÂN	PPD	07	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN SƠN	PPD	02	1	6		64	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN CHUNG	PPD	09-10	2	7		70	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN MẠNH CƯỜNG	PPD	08	1	4		73	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CNV	6	6	28	434	70	6		
2	PPD	16	15	96	1.149	20	16		
TOTAL		22	21	124	1.583	90	22		
WEIGHT KG				124	1.583	90			

GRAND TOAL: 1.797 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/04/2018	TO: TD1 - PPD - P1	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: HUNG - Hạnh - DTùng	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN HUNG QUAN	TD1	01	1	8		70	D-HANH	Vietnamese
2	DOBROVOLSKY	TD1	11	1	17		85	DVL	Russian
3	NGUYEN NGOC SON	TD1	03	1	13		72	DVL	Vietnamese
4	VU MANH NAM	TD1	02	1	10		75	DVL	Vietnamese
5	PHAM VAN TUONG	TD1	04	1	12		80	DVL	Vietnamese
6	LE VIET HIEU	TD1	09-10	2	8	25	67	DVL	Vietnamese
7	ANSHUL KAPOOR	TD1	05-06	2	20		72	DVL	Indian
8	VO CONG KHANH	TD1	07-08	2	17		67	DVL	Vietnamese
9	NGUYEN VAN SINH	PPD	23	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
10	SHEVLIAKOV	PPD	17	1	5		60	KH-THAC	Russian
11	BUI TRAN VIET	PPD	21	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
12	CHU QUYNH AN	PPD	18	1	7		105	KH-THAC	Vietnamese
13	TRAN NGOC ANH	PPD	28-29	2	15		77	KHI	Vietnamese
14	TRAN VAN TRA	PPD	30-31	2	10		68	KHI	Vietnamese
15	NGUYEN HUU VIET	PPD	24	1	7		70	ANTOAN	Vietnamese
16	ISKANDEROV	PPD	32	1	8		74	ANTOAN	Russian
17	TRAN DUY THONG	PPD	25	1	5	15	78	ANTOAN	Vietnamese
18	QUACH SY TY	PPD	19	1	3		63	PSV	Vietnamese
19	TA HONG GIANG	PPD	22	1	5		60	PSV	Vietnamese
20	LE CHI CUONG	PPD	20	1	8		52	PSV	Vietnamese
21	HO DIEN BAO	PPD	26-27	2	12		60	PVGAS	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	8	11	105	588	25	2		
2	PPD	13	16	93	897	15	18		
3	P1	0	0	0	0	25	2		
TOTAL		21	27	198	1.485	65	22		
WEIGHT KG				198	1.485	65			

GRAND TOAL: 1.748 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/04/2018	TO: AMD - VSP02 - RC5	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:45
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: Văn - TRƯỜNG - MQUÂN	ETA: 11:25
HONG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGÔ SỸ KHÔI	AMD	50	1	11	50	71	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN HANG HAI	AMD	51	1	12	60	78	KH-THAC	Vietnamese
3	BUI VAN THOAI	VSP02	66	1	3		68	YTE	Vietnamese
4	POKLONSKIY ALEXEY	VSP02	59	1	3		80	KH-THAC	Russian
5	ĐẶNG NGỌC CUƠNG	VSP02					72	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN LÊ HỘI	VSP02	500	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ CÔNG HOAN	VSP02					65	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN NGỌC QUANG	VSP02					61	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN THANH THAO	VSP02	36	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
10	DUƠNG TRUNG VIỆT	VSP02	63	1	6	65	75	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VIỆT NGỌC	VSP02	64	1	9	30	65	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN CÔNG QUÂN	VSP02	03	1	8		61	KH-THAC	Vietnamese
13	CAO VĂN KHA KHA	VSP02	37	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN QUỐC HOAN	VSP02	60	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
15	NGÔ ĐỨC TRI	VSP02	02	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
16	BUI XUAN TIEN	VSP02	09	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese
17	TRƯỜNG HIEN	VSP02	73	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ NGỌC DŨNG	VSP02	38	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN HỮU KHANH	VSP02	61	1	10		71	KH-THAC	Vietnamese
20	HÀ MẠNH THĂNG	VSP02	39	1	4		55	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN MẠNH HÀ	VSP02	62	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
22	BUI HUY BINH	VSP02	65	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	2	2	23	149	110	1		
2	VSP02	20	17	93	1.366	95	20		
3	RC5	0	0	0	0	30	1		
TOTAL		22	19	116	1.515	235	22		
WEIGHT KG				116	1.515	235			

GRAND TOAL: 1.866 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/04/2018	TO: AMD - TTC1	AIRCRAFT: 428	ETD: 10:10
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: Hôi - DUONG - NNam	ETA: 11:50
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG TRUNG KIEN	AMD	01	1	5	20	68	KH-THAC	Vietnamese
2	VADIM BOGACHEV (PVDT)	AMD	90	1	14		85	KH-THAC	Russian
3	ĐO THÈ THANH	AMD	396	1	10		69	KH-THAC	Vietnamese
4	THAI THANH THAO	AMD	94	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN LE HONG VU	AMD	91	1	8		58	KH-THAC	Vietnamese
6	LE HOANG HONG SANG	AMD	96-97	2	15		70	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN VAN DAN	AMD	99,089	2	12		62	KH-THAC	Vietnamese
8	LE QUANG VIET	AMD	92	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN ANH KHOA	AMD	48	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN THANH TAN	AMD	93	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
11	TRAN QUANG LONG	AMD	89	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
12	VO ANH HOANG	AMD	02-03	2	8		70	KH-THAC	Vietnamese
13	DANG TUAN ANH	AMD	13-14	2	9	105	80	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAM NGOC PHUONG	AMD	10,12	2	17		65	KH-THAC	Vietnamese
15	TRAN MINH THU	AMD	07-08	2	16		69	KH-THAC	Vietnamese
16	HOANG ANH GIANG	AMD	04	1	5	25	69	KH-THAC	Vietnamese
17	DAO QUANG DUNG	AMD	09,11	2	14		68	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN THANH AN	AMD	49	1	9		60	KH-THAC	Vietnamese
19	HUYNH LE BAO THANH	AMD	95	1	10		58	KH-THAC	Vietnamese
20	PHAM DINH KHAI	AMD	46-47	2	14		64	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	20	28	198	1.379	150	21		
2	TTC1	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		20	28	198	1.379	150	22		
WEIGHT KG				198	1.379	150			

GRAND TOAL: 1.727 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/04/2018	TO: TD2 - JS2 - BK14	AIRCRAFT: 406	ETD: 11:55
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: Vãn - TUYỀN - MQUÂN	ETA: 13:35
DO-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	YUKIMTRUC	TD2	79	1	7		80	XN KHI	Russian
2	NGUYEN TU DO	JS2	41	1	10		67	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN CONG TAM	JS2	69	1	11		68	KHOAN	Vietnamese
4	LE LONG	JS2	39	1	6		81	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN NGOC LE	JS2	38	1	8		68	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN VAN THUC	JS2	40	1	10		76	KHOAN	Vietnamese
7	NGO THANH SON	JS2	33	1	12		76	KHOAN	Vietnamese
8	DUONG MINH VIET	JS2	37	1	6		62	KHOAN	Vietnamese
9	TRAN ANH TUAN	JS2	30	1	10		74	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN VAN THANH	JS2	36	1	11		75	KHOAN	Vietnamese
11	TA MINH UY	JS2	29	1	12		60	KHOAN	Vietnamese
12	LE VAN BAO	JS2	32	1	8		60	KHOAN	Vietnamese
13	LE VAN THANG	JS2	35	1	14		66	KHOAN	Vietnamese
14	VU VAN NAM	JS2	34	1	12		65	KHOAN	Vietnamese
15	TRAN VAN TUYET	JS2	31	1	15		70	KHOAN	Vietnamese
16	LE VAN TOAN	BK14	06	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN VAN CHINH	BK14	1000	1	6		62	KH-THAC	Vietnamese
18	DAO KIM CUONG	BK14	61	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
19	DANG QUANG HUY	BK14	44	1	9	55	68	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN QUYET THANG	BK14	01	1	3		69	KH-THAC	Vietnamese
21	NGO THAI HA	BK14	04	1	5		59	KH-THAC	Vietnamese
22	PHAN TIEN CUONG	BK14	98	1	5		60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	1	1	7	80	0	1		
2	JS2	14	14	145	968	0	4		
3	BK14	7	7	34	444	55	10		
TOTAL		22	22	186	1.492	55	15		
WEIGHT KG				186	1.492	55			

GRAND TOAL: 1.733 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/04/2018	TO: RP2 - VSP02	AIRCRAFT: 846	ETD: 11:50
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: Hạnh - MTuấn - DTùng	ETA: 13:30
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KRAINOV IGOR	RP2	04	1	7		81	KHOAN	Russian
2	LE HOANG THI	RP2	01	1	3	16	67	KHOAN	Vietnamese
3	LUU QUOC NHAT	RP2	03	1	5		70	D-HANH	Vietnamese
4	VU THAI SON	VSP02	74	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
5	LE XUAN BINH	VSP02	85	1	3		77	KH-THAC	Vietnamese
6	LE QUANG ANH HUNG	VSP02	81	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
7	NGO DUC CHU	VSP02	77	1	4		61	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN DINH DUONG	VSP02	86	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN VAN GIAP	VSP02	01	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
10	LU SON	VSP02	79	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
11	TO VAN HUNG	VSP02	83	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
12	VO TAN LINH	VSP02	82	1	6		58	KH-THAC	Vietnamese
13	TRAN XUAN KINH	VSP02	75	1	5		59	KH-THAC	Vietnamese
14	DO TRUNG DUNG	VSP02	80	1	5	20	58	KH-THAC	Vietnamese
15	TO QUANG ANH	VSP02	78	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
16	BUI VAN HUY	VSP02	76	1	8		69	ANTOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	3	3	15	218	16	6		
2	VSP02	13	13	60	843	20	16		
TOTAL		16	16	75	1.061	36	22		
WEIGHT KG				75	1.061	36			

GRAND TOAL: 1.172 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/04/2018	TO: CTK3 - JS2 - GTC1	AIRCRAFT: 428	ETD: 12:20
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: Hôi - TTrung - NNam	ETA: 14:00
VANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN ĐẶC THÀNH	CTK3	58	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAN KHÁC THĂNG	CTK3	65	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN THÀNH HAI	CTK3	63	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN XUÂN THÀNH	CTK3	60	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN ĐẶC QUÊ	CTK3	61	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN ĐOÀN	CTK3	59	1	3		50	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN ĐỨC HẠNH	CTK3	66	1	10		77	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAN DUY PHƯƠNG	CTK3	68	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ VĂN BÌNH	CTK3	69	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM THANH QUANG	CTK3	71	1	2		68	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN HỮU THÀNH	CTK3	64	1	7		61	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN THANH VŨ	CTK3	37	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM HOANG LONG	CTK3	22	1	6		76	KH-THAC	Vietnamese
14	PANKRATOV	CTK3	73	1	10	15	90	ANTOAN	RUS
15	CAO KINH THAO	CTK3	62	1	12		69	T-TIN	Vietnamese
16	LÊ CHÍ CÔNG	CTK3	67	1	6		90	T-TIN	Vietnamese
17	HOÀNG THAI LONG	CTK3	70	1	5		55	PSV	Vietnamese
18	TRẦN ĐỨC CƯỜNG	JS2	76-77	2	12		80	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐÀO VIỆT HÙNG	JS2	74	1	6	55	63	KH-THAC	Vietnamese
20	PHẠM QUANG THAI	JS2	79-80	2	6		80	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN ĐÌNH NGŨ	JS2	75	1	6		58	KH-THAC	Vietnamese
22	PHẠM VĂN VINH	JS2	78	1	5		66	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	17	17	101	1.209	15	12	2	CHUYEN 2 PAX CTK3 SANG GTC
2	JS2	5	7	35	347	55	6		
3	GTC1	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		22	24	136	1.556	70	18		
WEIGHT KG				136	1.556	70			

GRAND TOAL: 1.762 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN